

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **71/2025/HS-ST**
Ngày: 11/4/2025.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Đỗ Thúy Anh;**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Văn Minh;
Bà Trần Thị Oanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thùy Dung, Cán bộ Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-HS ngày 01/4/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Phạm Văn X** - SN: 1995

Giới tính: Nam;

Nơi thường trú: thôn N, xã T, huyện B, tỉnh H;

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Văn hóa: 12/12 - Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Phạm Thường X1

Con bà: Lê Thị T

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất

Vợ, con: chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 11/12/2024 đến ngày 19/12/2024 hủy bỏ quyết định tạm giữ. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

2. Họ tên: **Liềng A C1** - SN: 1995

Giới tính: Nam

Nơi thường trú: Thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh L

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Giáy- Tôn giáo: Không
Văn hóa: 12/12 - Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Liêng A K

Con bà: Lò Thị B

Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 11/12/2024 đến ngày 19/12/2024 hủy bỏ quyết định tạm giữ. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

3. Họ tên: Nguyễn Ngọc H SN: 1996

Giới tính: Nam

Nơi thường trú: TDP B, phường L, thành phố V, tỉnh V

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Văn hóa: 12/12 - Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Nguyễn Văn Đ

Con bà: Mai Thị Y

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 11/12/2024 đến ngày 19/12/2024 hủy bỏ quyết định tạm giữ. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

4. Họ tên: Nguyễn Văn T1 SN: 1995

Giới tính: Nam

Nơi thường trú: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh B

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Văn hóa: 12/12 - Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Nguyễn Văn Đ1

Con bà: Nguyễn Thị H1

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Nguyễn Phương H2 – SN: 1995

Bị cáo có 03 con, con lớn nhất 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2024

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 11/12/2024 đến ngày 19/12/2024 hủy bỏ quyết định tạm giữ. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

5. Họ tên: **Đinh Bảo T** SN: 2000

Giới tính: Nam

Nơi thường trú: Khu Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh P

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Văn hóa: 12/12 - Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Đinh Hữu S (đã chết)

Con bà: Nguyễn Thị Lệ H3

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất

Vợ, con: không

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 11/12/2024 đến ngày 19/12/2024 hủy bỏ quyết định tạm giữ. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

6. Họ tên: **Đào Hải N** SN: 2003

Giới tính: Nam

Nơi thường trú: TDP A, thị trấn S, huyện S, tỉnh T

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Văn hóa: 12/12 - Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Đào Duy M

Con bà: Trần Thị T

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ, con: không

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 11/12/2024. Đến ngày 19/12/2024 hủy bỏ quyết định tạm giữ, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

7. Họ tên: **Hoàng Anh T2** - SN: 1994

Giới tính: Nam

Nơi thường trú: TDP A, thị trấn S, huyện S, tỉnh T

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh- Tôn giáo: Không

Văn hóa: 12/12 - Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Hoàng Quang H4

Con bà: Hoàng Thị Đ3

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai

Vợ: Phan Thị U' – SN 1991

Bị cáo có 01 con sinh năm 2022

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 11/12/2024 đến ngày 19/12/2024 hủy bỏ quyết định tạm giữ. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

8. Họ tên: **Vũ Hoàng D** - SN: 2003

Giới tính: Nam

Nơi thường trú: thôn L, xã X, huyện N, tỉnh N

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Văn hóa: 12 /12 - Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Vũ Văn Đ4

Con bà: Nguyễn Thị T

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất

Vợ, con: không

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 11/12/2024. Đến ngày 19/12/2024 hủy bỏ quyết định tạm giữ, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn X là quản lý của quán K2 cơ sở 57 phố N, phường P, quận N, thành phố H. Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn T1 là nhân viên của quán K2 phố N, Liền A C1 là nhân viên của quán K2 Phố N. **Đỗ Thị Q** (Sinh năm: 2006 – NKTT: Y, huyện V, tỉnh Y) là nhân viên rót bia quán karaoke C số X Phố N từ tháng 7/2024, đến tháng 12/2024 thì sang làm cho quán V2.

Khoảng 0h30 ngày 07/12/2024, sau khi quán K2 đóng cửa thì **Nguyễn Ngọc H** điều khiển xe máy Honda SH 125i màu trắng, BKS: 88B1- 314.08 đi đến quán V2 trên đường X thuộc KĐT H, phường P, quận N, thành phố H, để xem có đóng cửa không. Khi đến nơi H dừng xe ở mặt đường X gần lối rẽ vào KĐT H thì H có thấy **Đỗ Thị Q** đang đứng với một nam thanh niên ở quán V2. H có nhắn tin cho X về việc nhìn thấy Q đang ở quán V2. Nhận được tin của H, X nghĩ Q sang làm

cho quán V2 mà chưa xin nghỉ nên bảo Liềng A C1 đi cùng đến quán V2 tìm. X điều khiển xe máy Honda Vision màu đen chở theo C1 đến quán V2 để tìm Q.

Khi X và C1 đến thì thấy Q đang ngồi nói chuyện với Lưu Quốc V1 (Sinh năm: 2001 – NKTT: T, huyện L, tỉnh H) hiện đang là nhân viên của quán C, đứng trước cửa quán. *X nghĩ rằng V1 rủ Q đi quán khác làm nên đã tức giận dùng tay tát vào mặt V1 làm đổ xe máy, V1 ngã ra đất.* C1 dùng chân sút vào người V1 còn H kéo tay Q để lùi về quán nói chuyện. Lúc này, có Hoàng Anh T2 là quản lý của quán V2, Đinh Bảo T3, Đào Hải N, Vũ Hoàng D là nhân viên quán V và một số người khác đi ra chỗ nhóm của X nói chuyện. T2 có hỏi X *“Bạn làm gì trước cửa quán tôi đây”* thì X có nói lại *“Đây không phải là việc của bạn”* và nói *“Trước nó là nhân viên của quán tôi, bây giờ tôi bảo nó về quán để nói chuyện”*. Lúc này, Q có bỏ đi vào vỉa hè trước cửa quán V2, thấy vậy H có đi theo dùng tay kéo Q đi ra ngoài. T2 không cho và xảy ra cãi vã tranh chấp với X. ***T2 dùng tay phải tát vào mặt X, thấy T2 đánh X thì T3, D, N cũng xông vào đánh X. X bị nhóm của T2 đuổi đánh từ trong đường nội bộ của khu đô thị H ra vỉa hè trước cửa quán V2 mặt đường X thì bị N chạy theo đẩy X ngã ra đất, D lao vào dùng chân đá vào người X, T3 xông vào đánh X.*** Sau đó, thì được mọi người can ngăn không đánh nhau nữa. T2 bảo D đi vào gọi Q ra giải quyết.

X đứng dậy đi sang bên đường đối diện quán V2. H, C1, X đứng nói chuyện với nhau và kiểm tra thương tích của X. Lúc đó, Nguyễn Văn T1 (nhân viên quán của X) đi xe máy đến. X kể chuyện bị nhóm T2 đánh. Nhóm của X đứng tụ tập giữa đường lối vào khu đô thị H thì nhóm của T2 và nhân viên quán V2 đi ra nói chuyện, được khoảng 01 phút thì người bên nhóm V đi về hướng quán V2. Lúc này nhóm C có X, T1, C1, H và khoảng 03 – 04 người khác (hiện không xác định được) đi bộ sang phía nhóm V.

Do cay cú vì bị đánh, X chỉ vào T2 nói *“thằng đeo kính đánh tao” rồi lao vào đuổi đánh T2.* H, T1, C1 cũng lao vào đánh nhau với nhóm nhân viên quán V2. T2 bỏ chạy vào quán, T3, N và một số nhân viên V lao vào chặn đánh nhóm của X. *T đánh nhau, giằng co với Đinh Bảo T3, C1 bị Phan Ngọc K (Sinh năm: 2000 – NKTT: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh T – nhân viên quán V2) ôm giữ lại can ngăn, X đuổi theo T2 thì bị Nguyễn Văn Q1 (Sinh năm: 1998 – NKTT: Thôn N, huyện P, thành phố T, tỉnh T) ôm giữ lại, đẩy ra khỏi quán V2. C1 vùng ra thoát khỏi K, dùng tay đánh vào đầu T3. N vào trong quầy thu ngân nhặt 01 ghế khung sắt ra đánh T1 nhưng không trúng, thấy vậy T3 cũng lao vào dùng tay đánh T1.* Lúc này có Hoàng Văn L1 (SN: 2004 – NKTT: xã S, huyện T, tỉnh B) lao vào can ngăn thì bị ghế của N cầm quẹt vào mặt, sau đó L1 đi vào trong quán

V2. X thoát khỏi Q1, *nhặt 1 cục đất ở ven đường đánh vào đầu N làm cục đất vỡ vụn. H nhỏ biển báo “chú ý quan sát” ở ven đường đánh vào lưng T3, T1 và C1 thấy vậy cũng lao vào đánh T3 cùng H.* Hai bên đuổi đánh nhau từ khu vực lối rẽ vào khu đô thị H ra vỉa hè đường X.

Cả hai nhóm đuổi đánh nhau từ 00h 40’ đến khoảng 1 giờ 00’ ngày 07/12/2024,

Sau đó do được nhiều người can ngăn nên hai nhóm dừng lại, không đánh nhau nữa. Nhóm nhân viên V đi vào trong quán còn nhóm X đi về.

Hậu quả: Phạm Văn X bị xước khuỷu tay phải, xước đỏ vùng sống mũi. Nguyễn Ngọc H bị tím, sưng mắt trái, những người còn lại không bị thương tích gì. Phạm Văn X và Nguyễn Ngọc H xin từ chối giám định thương tích và không yêu cầu gì khác về dân sự.

* Ngày 10/12/2024, Ủy ban nhân dân phường P có công văn số 1515 xác định vụ việc xảy ra ngày 07/12/2024 tại KĐT H, đường X, phường P, quận N, thành phố H đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và đề nghị xử lý nghiêm theo quy định pháp luật. (BL 12).

Ngày 11/12/2024, CQĐT ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Văn X, Hoàng Anh T2, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn T1, Liềng A C1, Đinh Bảo T3 về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại Điều 318 BLHS. Ngày 11/12/2024, Đào Hải N, Vũ Hoàng D đến Cơ quan điều tra đầu thú về hành vi của mình như đã nêu trên.

*** Vật chứng thu giữ:** 01 ghế gấp khung inox, kích thước 70x40cm.

Đối với Đỗ Thị Q, quá trình điều tra Q khai nhận nguyên nhân sự việc do Q nhưng Q không tham gia vào việc rượt đuổi đánh nhau, Q không bị thương tích và không có yêu cầu gì, do đó Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với Lưu Quốc V1, quá trình điều tra V1 khai nhận bị X đánh nhưng thương tích nhẹ, không có vấn đề gì nên không đề nghị đi giám định thương tích và không trình báo. V1 không tham gia vào quá trình rượt đuổi đánh nhau với các bị cáo. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với Phan Ngọc K, Nguyễn Văn Q1 và Hoàng Văn L1: quá trình diễn ra sự việc thì K, Q1 và L1 chỉ ra can ngăn mọi người không đánh nhau, không tham gia vào việc đánh nhau và rượt đuổi của các bị cáo. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn X, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn T1, Liềng A C1, Hoàng Anh T2, Đinh Bảo T3, Đào Hải N, Vũ Hoàng D đã khai nhận hành

vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Tại bản cáo trạng số 54/CT - VKS ngày 17/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm:

- Các bị cáo **Phạm Văn X, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn T1, Liềng A C1, Đinh Bảo T3, Đào Hải N**, bị truy tố về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm **b** khoản **2** Điều **318** Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo **Hoàng Anh T2, Vũ Hoàng D**, bị truy tố về tội: “*Gây rối trật tự công cộng*”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản **1** Điều **318** Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm giữ quan điểm như cáo trạng truy tố. Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét tình tiết giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo:

+ **Phạm Văn X, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn T1, Liềng A, Đinh Bảo T3, Đào Hải N** phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại điểm **b** khoản **2** Điều **318** Bộ luật Hình sự.

+ **Hoàng Anh T2, Vũ Hoàng D** phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại khoản **1**, Điều **318** Bộ luật Hình sự.

Đề nghị: Áp dụng điểm **b**, khoản **2**, Điều **318**; điểm **s**, khoản **1**, khoản **2**, Điều **51**; Điều **65** Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Văn X, Nguyễn Ngọc H** mỗi bị cáo từ **26** tháng đến **32** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách **52** tháng đến **60** tháng.

Đề nghị: Áp dụng điểm **b**, khoản **2**, Điều **318**; khoản **1**, Điều **17**; điểm **s**, khoản **1**, khoản **2**, Điều **51**; Điều **65** Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1, Liềng A C1**, mỗi bị cáo từ **24** tháng đến **30** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách **48** tháng đến **60** tháng.

Đề nghị: Áp dụng điểm **b**, khoản **2**, Điều **318**; điểm **s**, khoản **1**, khoản **2**, Điều **51**; Điều **65** Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Đào Hải N, Đinh Bảo T3**, mỗi bị cáo từ **24** tháng đến **30** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách **48** tháng đến **60** tháng.

Đề nghị: Áp dụng khoản 1, Điều 318; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Anh T2, Vũ Hoàng D, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 18 tháng đến 24 tháng.

Hình phạt bổ sung: Không.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 ghế gấp khung Inox, kích thước 70 x 40cm.

Về dân sự: Không.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng các bị cáo thấy ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận N, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 0h40' ngày 07/12/2024, tại trước cửa quán V2, KĐT H, phường P, quận N, thành phố H, Phạm Văn X, Nguyễn Ngọc H, Liền A C1, Hoàng Anh T2, Đinh Bảo T3, Đào Hải N, Vũ Hoàng D có hành vi tụ tập, đuổi đánh nhau tại trước cửa quán V2. *T2 dùng tay phải tát vào mặt X, thấy T2 đánh X thì T3, D, N cũng xông vào đánh X. X bị nhóm của T2 đuổi đánh từ trong đường nội bộ của khu đô thị H ra vỉa hè trước cửa quán V2 mặt đường X thì bị N chạy theo đẩy X ngã ra đất, D lao vào dùng chân đá vào người X, T3 xông vào đánh X. Sau đó, T2 bảo D đi vào gọi Q ra giải quyết. D vào quán gọi Q và ở lại trong quán.*

Sau đó, có Nguyễn Văn T1 đến và tham gia vào việc đuổi đánh nhau cùng mọi người. *X lao vào đuổi đánh T2. H, T1, C1 cũng lao vào đánh nhau với nhóm*

nhân viên quán V2. T2 bỏ chạy vào quán, T3, N và một số nhân viên V lao vào chặn đánh nhóm của X. T đánh nhau, giằng co với Đinh Bảo T3, C1 bị Phan Ngọc K ôm giữ lại can ngăn, X đuổi theo T2 thì bị Nguyễn Văn Q1 ôm giữ lại, đẩy ra khỏi quán V2. C1 vùng ra thoát khỏi K, dùng tay đánh vào đầu T3. N vào trong quầy thu ngân nhặt 01 ghế khung sắt ra đánh T1 nhưng không trúng, thấy vậy T3 cũng lao vào dùng tay đánh T1. X thoát khỏi Q1, nhặt 1 cục đất ở ven đường đánh vào đầu N làm cục đất vỡ vụn. H nhổ biển báo “chú ý quan sát” ở ven đường đánh vào lưng T3, T1 và C1 thấy vậy cũng lao vào đánh T3 cùng H. Hai bên đuổi đánh nhau từ khu vực lối rẽ vào khu đô thị H ra vỉa hè đường X. Các bị cáo tụ tập đuổi đánh nhau đến khoảng 01h00’ thì được mọi người can ngăn nên hai bên dừng lại.

Hành vi tụ tập đông người rượt đuổi đánh nhau của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu và làm mất an ninh trật tự trên địa bàn. Ủy ban nhân dân phường P có văn bản đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thành khẩn khai nhận tội.

- Hành vi của các bị cáo **Phạm Văn X, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn T1, Liềng A C1, Đinh Bảo T3, Đào Hải N** đã phạm vào tội “**Gây rối trật tự công cộng**”, theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

- Hành vi của các bị cáo **Hoàng Anh T2, Vũ Hoàng D** đã phạm vào tội “**Gây rối trật tự công cộng**”, theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi Gây rối trật tự công cộng của các bị cáo Phạm Văn X, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn T1, Liềng A C1, Đinh Bảo T3, Đào Hải N, Hoàng Anh T2, Vũ Hoàng D là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu, làm mất an ninh trật tự trên địa bàn, mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét vai trò, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Vai trò của các bị cáo trong vụ án:

+ Đối với nhóm bị cáo X, H, T1, C1: Bị cáo X là người khởi xướng, khi được bị cáo H báo tin Q đang làm ở quán V2, X rủ bị cáo C1 và bị cáo H đến

đánh V1 gọi Q về. Như vậy bị cáo X là vai trò chính, các bị cáo C1, H, T1 có vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo X.

+ *Đối với nhóm bị cáo T3, N, T2, D*: Bị cáo T3 và bị cáo N có vai trò ngang nhau, bị cáo T2 và bị cáo Dương đóng vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo T2 và bị cáo D dùng tay không để đánh nhau nên bị truy tố theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo đều nhất thời phạm tội. Nhóm của X do hiểu lầm nhóm của T2 lôi kéo nhân viên của quán mình sang quán khác làm. Nhóm của T2 vì cho rằng cần bảo vệ nhân viên quán mình nên dẫn đến hành vi gây rối trật tự công cộng, làm mất an ninh trật tự trên địa bàn - được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với bị cáo T2 và bị cáo D đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với từng bị cáo:

- Bị cáo X: ông nội bị cáo X là ông Phạm Xuân H5 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì - được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo H: ông nội bị cáo H là ông Nguyễn Văn L2 là thương binh hạng 2/4 - được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T1: bác ruột bị cáo T1 là ông Nguyễn Văn H6 được BLL đồng đội chiến trường Campuchia tỉnh Bắc Giang tặng kỉ niệm chương chiến trường K - được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo C1: có bố là ông Liêng A K1 là Đảng viên nhiều năm - được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo D: bị cáo đầu thú; có ông nội là ông Vũ Văn D1 tặng huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, ông ngoại là ông Nguyễn Văn T4 được tặng huy hiệu Đảng - được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T2: có ông ngoại là ông Hoàng Ân C2 được Chính phủ tặng kỉ niệm chương có công với nước năm 1962, bị cáo có mẹ đẻ là bà Hoàng Thị Đ3 là hiệu trưởng Trường Tiểu học V3 – được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T3: có ông nội là ông Đinh Hữu T5 là thương binh hạng ba chống Pháp; có bà ngoại là bà Nguyễn Thị T6 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì năm 2001; có ông ngoại là ông Nguyễn Bá T7 được

Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì năm 1986 – được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo N: bị cáo đầu thú; có bà ngoại là bà Chu Thị T8 được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba năm 1987; có ông ngoại là ông Trần Tiến S1 Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba năm 1986; bố mẹ đẻ bị cáo là bà Trần Thị T9 và ông Đào Duy M được tặng thưởng nhiều giấy khen trong công tác – được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên: xét thấy các bị cáo T3, N, T2, D, X, H, T1, C1 đều có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều có nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án đã bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm là: Cản tịch thu tiêu huỷ 01 ghế gấp khung sắt, bọc vải, kích thước khi gấp 70x40cm.

[8] Về dân sự: Không.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn X, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn T1, Liêng A C1, Đinh Bảo T3, Đào Hải N, Hoàng Anh T2, Vũ Hoàng D phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Áp dụng: Điểm b, khoản 2, Điều 318; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Phạm Văn X 26 (Hai mươi sáu) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách **52 (Năm mươi hai) tháng** kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Phạm Văn X** cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh H để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc H 24 (Hai mươi tư) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách **48 (Bốn mươi tám) tháng** kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Nguyễn Ngọc H** cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh V để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1 24 (Hai mươi tư) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách **48 (Bốn mươi tám) tháng** kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn T1** cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh B để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt bị cáo **Liềng A C1 24 (Hai mươi tư) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách **48 (Bốn mươi tám) tháng** kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Liềng A C1** cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh L để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt bị cáo **Đinh Bảo T3 24 (Hai mươi tư) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách **48 (Bốn mươi tám) tháng** kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Đinh Bảo T3** cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh P để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt bị cáo **Đào Hải N 24 (Hai mươi tư) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách **48 (Bốn mươi tám) tháng** kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Đào Hải N** cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh T để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Áp dụng: khoản 1, Điều 318; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Anh T2 12 (Mười hai) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách **24 (Hai mươi tư) tháng** kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Hoàng Anh T2** cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh T để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo **Vũ Hoàng D 12 (Mười hai) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách **24 (Hai mươi tư) tháng** kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Vũ Hoàng D** cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh N để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đối với các bị cáo được hưởng án treo:

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành án phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 ghế gấp khung sắt, bọc vải, kích thước khi gấp 70x40cm.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng số 140 ngày 17/3/2025).

Về dân sự: Không.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thuý Anh

